

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN
NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017 CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2016		Kế hoạch năm 2017
			Kế hoạch	Thực hiện	
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh:				
1	Tổng số vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	1.701.540	1.728.125	1.717.144
2	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)	-			
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	5.862.173	6.810.109	5.185.700
4	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	5.765.706	6.653.735	5.083.794
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	1.532.700	1.649.195	1.611.622
6	Lợi nhuận	Tr.đồng	55.000	92.830	61.000
7	Năng suất lao động bình quân (1) kế hoạch	Trđ/năm	154,35	249,00	165,70
8	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Trđ/năm			
II	Tiền lương của người quản lý chuyên trách				
1	Số người quản lý chuyên trách (tính bình quân)	Người	6	6	6
2	Hạng công ty được xếp	-	I	I	I
3	Hệ số mức lương bình quân	-	6,95	6,95	6,95
4	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/th	28,43	28,43	28,43
5	Hệ số tăng thêm so mức lương cơ bản (nếu có)	-			
6	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	1.849,31	2.581,00	1.690,26
7	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/th	25,68	35,85	23,48
III	Thù lao của người quản lý không chuyên trách				
1	Số người quản lý không chuyên trách (tính bình quân)	Người			
2	Tỷ lệ thù lao bình quân so với tiền lương	%			
3	Quỹ thù lao	Tr.đồng			
4	Mức thù lao bình quân	Tr.đồng/th			
IV	Tiền thưởng, thu nhập				
1	Quỹ tiền thưởng trích trừ quỹ khen thưởng	Tr.đồng			
2	Mức thu nhập bình quân của NQL chuyên trách (2)	Tr.đồng/th	25,68	35,85	23,48
3	Mức thu nhập bình quân của NQL không chuyên trách (3)	Tr.đồng/th			

- Ghi chú:** (1) ghi rõ năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng DT- tổng CP (chưa có lương) hoặc tính theo tổng sản phẩm tiêu
(2) Mức thu nhập bình quân của người quản lý chuyên trách, gồm tiền lương, tiền thưởng.
(3) Mức thu nhập bình quân của người quản lý không chuyên trách, gồm thù lao, tiền thưởng.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)



LÊ THỊ NGỌC THUÝ

Bình Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



ĐOÀN MINH QUANG

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016
của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2016		Kế hoạch năm 2017
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)				
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	5.862.173	6.810.109	5.185.700
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	5.765.706	6.653.735	5.083.794
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	55.000	92.830	61.000
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	1.532.700	1.649.195	1.611.622
II	TIỀN LƯƠNG				
1	Lao động kế hoạch	Người	625		615
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người		628	
3	Mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động	1.000đ/tháng	5,414		5,597
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	1.000đ/tháng		8,432	
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	1.000đ/tháng			
6	Năng suất lao động bình quân (1) kế hoạch	Tr.đồng/năm	154,35	249,00	165,70
7	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Tr.đồng/năm			
8	Phần chênh lệch tiền lương của CB chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng			
9	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	40.602		41.307
10	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		63.545	
11	Quỹ tiền thưởng trích từ quỹ khen thưởng năm 2015	Tr.đồng		3.321	
12	Thu nhập bình quân (theo LĐ thực tế sử dụng bình quân)	1.000đ/tháng	5.414	8.873	5.597

Ghi chú: (1) ghi rõ năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng DT - tổng CP (chưa có lương) hoặc tính theo tổng sản phẩm tiêu thụ.

Người lập biểu

(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)



LÊ THỊ NGỌC THUÝ

Bình Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



ĐOÀN MINH QUANG